

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2024/DS-ST

Ngày: 16-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2024/QĐXXST-DS ngày 12/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2024/QĐHPT-DS ngày 28/8/2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là S1). Địa chỉ: 2, đường N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Mai Xuân T, sinh năm 1976, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 12/2022/GUQ-CNBC ngày 30/12/2022 của Ngân hàng).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Xuân T vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn (ông Mai Xuân T) trình bày:

Ngày 19/12/2022, S1 có cấp thẻ tín dụng tiêu dùng cá nhân cho bà Lê Thị L theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Kể từ ngày kích hoạt thẻ tín dụng đến ngày 15/02/2024, bà L đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán cho S1 là 44.452.599 đồng và đã thanh toán cho S1 tổng số tiền 8.404.507 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà L vẫn không thực hiện việc thanh toán nợ cho S1. Ngày 10/01/2024, S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 15/02/2024, bà L còn nợ S1 tổng số tiền 36.048.092 đồng, bao gồm 34.338.452 đồng nợ gốc và 1.709.640 đồng (lãi suất trong hạn 2,776%/tháng, lãi suất quá hạn 4,149%/tháng). Do đó, S2 khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho S1 số tiền 36.048.092 đồng và lãi phát sinh từ sau ngày 15/02/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Ngoài ra, nguyên đơn không có tranh chấp gì khác.

- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn (bà Lê Thị L) trình bày:

Do phía bị đơn không có mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương phát biểu tại phiên tòa:

Căn cứ vào giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 19/12/2022 giữa nguyên đơn S1 và bị đơn bà L, nguyên đơn S1 đã cấp tín dụng cho bị đơn bà L với hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Theo bảng tóm tắt sao kê ngày 15/02/2024, bị đơn bà L đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 15/02/2024 với số tiền 31.000.000 đồng, phí trễ hạn 1.204.819 đồng, lãi 12.028.110 đồng, phí 219.670 đồng, bị đơn bà L đã thanh toán số tiền 8.404.507 đồng.

Nguyên đơn S1 cho rằng bị đơn L đã thực hiện các giao dịch, các khoản thanh toán với tổng số tiền 44.452.599 đồng và đã thanh toán cho nguyên đơn S1 số tiền 8.404.507 đồng, nguyên đơn S1 đã nhiều lần yêu cầu bị đơn bà L thanh toán số tiền nợ còn lại nhưng bị đơn bà L vẫn chưa thanh toán nên ngày 10/01/2024 nguyên đơn S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Hiện nay, bị đơn bà L còn nợ nguyên đơn S1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/02/2024 là 36.048.092 đồng (nợ gốc 34.338.452 đồng và lãi quá hạn 1.709.640 đồng, lãi suất trong hạn 2,776%/tháng, lãi suất quá hạn 4,149%/tháng) nên nguyên đơn S1 khởi kiện yêu cầu bị đơn bà L phải thanh toán số tiền nợ này và lãi phát sinh sau ngày 15/02/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng cho bị đơn bà L nhưng không ghi nhận được ý kiến của bị đơn bà L nên bị đơn bà L đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

Như vậy, giữa nguyên đơn S1 và bị đơn bà L có tồn tại hợp đồng tín dụng ngày 19/12/2022, việc bị đơn bà L được nguyên đơn S1 thông báo nhiều lần nhưng không thanh toán số tiền vay trên đã vi phạm sự thỏa thuận của các bên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S1 đối với số tiền tạm tính đến ngày 15/02/2024 là 36.048.092 đồng và lãi phát sinh sau ngày 15/02/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, Tòa án thu thập và quy định định của pháp luật tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2024, nguyên đơn S1 khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị L trả nợ số tiền vay và lãi phát sinh. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đã nêu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện phía bị đơn bà Lê Thị Lê H đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự tín dụng”.

[1.3] Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị L theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện về tiền gốc của nguyên đơn:

S1 xác định ngày 19/12/2022, S1 có cấp thẻ tín dụng tiêu dùng cá nhân cho bà Lê Thị L với hạn mức 30.000.000 đồng. Tại “Tóm tắt sao kê” ngày

16/02/2024 thể hiện từ ngày kích hoạt thẻ tín dụng (10/01/2023) đến ngày 10/01/2024, bà L đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán cho S1 là 42.742.959 đồng. Bà L đã thanh toán cho S1 với tổng số tiền là 8.404.507 đồng. Như vậy, bà L còn nợ S1 tổng số tiền 34.338.452 đồng (bao gồm số tiền đã giao dịch sử dụng từ thẻ 31.000.000 đồng; phí VHN 219.670 đồng; phí trễ hạn 1.204.819 đồng và lãi 10.318.470 đồng). Do bà L không thực hiện việc thanh toán nợ đúng hạn, S1 đã nhiều lần nhắc nhở, làm việc với bà L nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ nên S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bà L và chuyển toàn bộ số nợ còn lại sang nợ quá hạn từ ngày 10/01/2024. Chứng cứ mà S1 cung cấp là Giấy đề kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân đề ngày 19/12/2022, có chữ ký, chữ viết ghi họ tên “Lê Thị L” tại mục “Chữ ký và họ tên của Chủ thẻ chính”; Tờ trình cấp thẻ tín dụng ngày 23/12/2023; bản photo CCCD mang tên Lê Thị L; bảng Tóm tắt sao kê ngày 16/02/2024, ngày 16/9/2024 của S1 đối với khoản giao dịch sử dụng thẻ của bà Lê Thị Lệ .

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn bà Lê Thị L tham gia giải quyết vụ án, đồng thời tiến hành niêm yết công khai các tài liệu, chứng cứ mà S1 cung cấp để đảm bảo quyền lợi của bà L nhưng bị đơn bà L vẫn cố tình vắng mặt, tự ý từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa nguyên đơn S1 và bị đơn bà Lê Thị L có tồn tại hợp đồng tín dụng ngày 19/12/2022. Việc bà L đã được S1 thông báo nhiều lần nhưng không thanh toán số tiền đã vay nên S1 chấm dứt thẻ tín dụng, chuyển toàn bộ số nợ của bà L sang nợ quá hạn là phù hợp do bà L đã vi phạm sự thỏa thuận của các bên, không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S1 đối với bà Lê Thị L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

S1 yêu cầu bà L phải thanh toán nợ lãi tính đến ngày 15/02/2024 trên số nợ gốc 34.338.452 đồng (kể từ ngày chuyển nợ quá hạn, toàn bộ số nợ được chuyển thành nợ gốc) là 1.709.640 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với số tiền lãi 1.709.640 đồng tính đến ngày 15/02/2024, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà L và S1 có tồn tại hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng theo. Theo Tờ trình cấp thẻ tín dụng mà S1 cung cấp, mức lãi suất được xác định là 2.77%/tháng (lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn = 4.419%/tháng). Theo đó, tổng số tiền lãi mà S1 yêu cầu bà L phải thanh toán tính đến ngày 15/02/2024 là 1.709.640 đồng là phù hợp với mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận được thể hiện tại Giấy đề kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân đề ngày 19/12/2022 và Tờ trình cấp thẻ tín dụng ngày 23/12/2023 đã nêu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc bà L phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Do bà L vi phạm nghĩa

vụ trả nợ nên toàn bộ số nợ 34.338.452 đồng được chuyển thành nợ quá hạn nên việc S1 yêu cầu bà L phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ đã nêu là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do S1 đã yêu cầu tiền lãi tính đến ngày 15/02/2024 nên bà L phải tiếp tục thanh toán tiền lãi cho S1 tính từ ngày 16/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (16/9/2024) là 07 tháng ngày với mức lãi suất quá hạn là 4.149%/tháng như đã nêu trên và được quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 7, khoản 2 và Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Theo đó, tiền lãi được xác định như sau:

$$34.338.452 \text{ đồng} \times 4.149\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 9.972.917 \text{ đồng.}$$

Như vậy, tổng số tiền mà bà L phải thanh toán cho S1 là 34.338.452 đồng + 1.709.640 đồng + 9.972.917 đồng = 46.021.009 (bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi một ngàn không trăm lẻ chín) đồng.

Ngoài ra, bà L còn phải tiếp tục thanh toán cho S1 tiền lãi theo mức lãi suất tại Giấy đề kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân đề ngày 19/12/2022 và Tờ trình cấp thẻ tín dụng ngày 23/12/2023.

[3]. Xét, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 4, 5, 26, 35, 39, 68, 147, 161, 186, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là S1) đối với bà Lê Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là S1) số tiền 46.021.009 (bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi một ngàn

không trăm lẻ chín) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/9/2024 theo Giấy đề kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân đề ngày 19/12/2022 và Tờ trình cấp thẻ tín dụng ngày 23/12/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị L phải nộp số tiền 2.301.051 (hai triệu ba trăm lẻ một ngàn không trăm năm mươi một) đồng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là S1) số tiền 901.202 đồng (chín trăm lẻ một ngàn hai trăm lẻ hai) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000019 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/9/2024).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam